

Số: 1431/QĐ-STP

Hưng Yên, ngày 21 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 870/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp; số 2968/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Tư pháp theo Phụ lục biểu đính kèm.

Điều 2: Thủ trưởng Cơ quan Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở và Kế toán Sở chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Như Điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Chung

PHỤ LỤC: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
ĐƠN VỊ: CƠ QUAN VĂN PHÒNG SỞ
 (Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-STP ngày 21/12/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp)



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND tỉnh giao	Trong đó		
			Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị (nguồn 14)	Tiết kiệm 10% giữ lại NS tỉnh	Dự toán giao cho đơn vị
1	2	(3)=(4)+(5)+(6)	4	5	6
	Tổng cộng = (I)+(II)	15.570.000.000	86.000.000	755.000.000	14.729.000.000
I	Kinh phí Tự chủ	4.223.000.000	86.000.000		4.137.000.000
II	Kinh phí Không tự chủ	11.347.000.000		755.000.000	10.592.000.000
1	In, phát hành tài liệu về công tác tư pháp	220.000.000		20.000.000	200.000.000
2	Công tác Phổ biến giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; hòa giải cơ sở	640.000.000		64.000.000	576.000.000
3	Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật	250.000.000		25.000.000	225.000.000
4	Bản tin Tư pháp	160.000.000			160.000.000
5	Xây dựng, nâng cấp, duy trì phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử pháp luật tỉnh Hưng Yên	230.000.000		23.000.000	207.000.000
6	Kiểm tra văn bản văn bản QPPL	200.000.000		20.000.000	180.000.000
7	Công tác cập nhật văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật 20trđ; Trang bị sách cho tủ sách pháp luật cơ quan Sở 30trđ	50.000.000			50.000.000
8	Công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính ngành tư pháp	600.000.000		60.000.000	540.000.000
9	Tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh đối với các dự thảo Luật, bộ Luật	200.000.000		20.000.000	180.000.000
10	Tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra công tác tư pháp	480.000.000		48.000.000	432.000.000
11	Công tác thanh tra	60.000.000			60.000.000
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan	500.000.000			500.000.000
13	Trang bị sách cho tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn	322.000.000			322.000.000
14	Trang bị sách cho tủ sách pháp luật thôn của xã thực hiện chương trình NTM	623.000.000			623.000.000
15	Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	500.000.000		50.000.000	450.000.000
16	Mua các loại sổ, biểu mẫu	720.000.000		35.000.000	685.000.000
17	Trợ cấp thôi việc	64.000.000			64.000.000
18	Đề án đơn giản hoá TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	500.000.000		50.000.000	450.000.000
19	Cập nhật dữ liệu thông tin hồ sơ lý lịch tư pháp	100.000.000			100.000.000
20	Cập nhật CSLD về quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	500.000.000		50.000.000	450.000.000
21	Mua sắm tài sản	500.000.000			500.000.000
22	Kinh phí cho hoạt động thăm định văn bản theo QĐ số 02/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh	250.000.000		20.000.000	230.000.000
23	Kinh phí công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2014-2018	225.000.000		20.000.000	205.000.000
24	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Phòng công chứng số 1 (chuyển chi nhánh TGPL số 1 về làm việc cùng với trụ sở Phòng công chứng số 1)	500.000.000			500.000.000
25	Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	250.000.000		25.000.000	225.000.000
26	Xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh	2.009.000.000		200.000.000	1.809.000.000
27	Duy trì phần mềm hộ tịch	344.000.000			344.000.000
28	Hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp	100.000.000			100.000.000
29	Triển khai Kế hoạch theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trọng tâm năm 2019 (về pháp luật đầu tư, kinh doanh và thuế trên địa bàn tỉnh)	250.000.000		25.000.000	225.000.000
	Bằng chữ: Mười bốn tỷ, bảy trăm hai chín triệu đồng./.				
	Chương; Loại - Khoản; Mã ĐVSDNS	414; 341; 1078101			
	KBNN nơi ĐVSDNS giao dịch	KBNN tỉnh			

(Handwritten signature)

PHỤ LỤC: DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019


ĐƠN VỊ: CƠ QUAN VĂN PHÒNG SỞ

(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-STP ngày 12/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao	Ghi chú
	Tổng số thu từ phí, lệ phí = 1+2	300.000.000	
1	Số thu được để lại chi	210.000.000	
	Chi các hoạt động phục vụ công tác thu phí	50.000.000	
	Trích chuyển Công an tỉnh và Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia	160.000.000	
2	Số nộp NSNN	90.000.000	

Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.


PHỤ LỤC: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-STP ngày 21/12/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND tỉnh giao	Trong đó		
			Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị (nguồn 14)	Tiết kiệm 10% giữ lại NS tỉnh	Dự toán giao cho đơn vị
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>(3)=(4)+(5)+(6)</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	Tổng cộng = (I)+(II)	3.729.000.000	48.000.000	0	3.681.000.000
I	Chi hoạt động thường xuyên	2.033.000.000	48.000.000		1.985.000.000
II	Chi hoạt động không thường xuyên	1.696.000.000	0	0	1.696.000.000
1	Chi các hoạt động TGPL	500.000.000			500.000.000
2	Thuê trụ sở 3 Chi nhánh	150.000.000			150.000.000
3	Kinh phí thực hiện TGPL trong hoạt động tổ tụng	100.000.000			100.000.000
4	Mua tủ sách pháp luật và sách pháp luật	176.000.000			176.000.000
5	Tập huấn những điểm mới cơ bản của Luật TGPL, các văn bản liên quan cho Trợ giúp viên và cơ quan tiến hành tố tụng, báo cáo viên pháp luật, công đoàn viên	100.000.000			100.000.000
6	Mua bổ sung trang thiết bị	150.000.000			150.000.000
7	Duy trì XD chuyên mục trang điện tử về TGPL	150.000.000			150.000.000
8	Tập huấn chuyên sâu về TGPL cho người khuyết tật và TGPL cho trẻ em; Hoạt động TGPL cho người khuyết tật	250.000.000			250.000.000
9	Trang phục của Trợ giúp viên pháp lý	120.000.000			120.000.000
	<i>Bảng chữ: Ba tỷ, sáu trăm tám một triệu đồng chẵn./.</i>				
	Chương; Loại - Khoản; Mã ĐVSDNS	414; 341; 1022600			
	KBNN nơi ĐVSDNS giao dịch	KBNN tỉnh			

[Handwritten signature]

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-STP ngày 21/12/2018 của Giám đốc Sở Tư pháp)



Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Tư pháp công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao cho đơn vị	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	DỰ TOÁN THU = (I.1)+(I.2) (CƠ QUAN VĂN PHÒNG SỞ)	300.000.000	300.000.000	100%	100%
I.1	Số thu được để lại chi	210.000.000	210.000.000		
	Chi các hoạt động phục vụ công tác thu phí	50.000.000	50.000.000		
	Trích chuyển Công an tỉnh và Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia	160.000.000	160.000.000		
I.2	Số nộp NSNN	90.000.000	90.000.000		
II	DỰ TOÁN CHI NSNN = (II.1)+(II.2)	18.410.000.000	18.410.000.000	100%	100%
II.1	CƠ QUAN VĂN PHÒNG SỞ	14.729.000.000	14.729.000.000	100%	100%
	Kinh phí Tự chủ	4.137.000.000	4.137.000.000		
	Kinh phí Không tự chủ	10.592.000.000	10.592.000.000		
1	In, phát hành tài liệu về công tác tư pháp	200.000.000	200.000.000		
2	Công tác Phổ biến giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; hòa giải cơ sở	576.000.000	576.000.000		
3	Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật	225.000.000	225.000.000		
4	Bản tin Tư pháp	160.000.000	160.000.000		
5	Xây dựng, nâng cấp, duy trì phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử pháp luật tỉnh Hưng Yên	207.000.000	207.000.000		
6	Kiểm tra văn bản văn bản QPPL	180.000.000	180.000.000		
7	Công tác cập nhật văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật 20trđ; Trang bị sách cho tủ sách pháp luật cơ quan Sở 30trđ	50.000.000	50.000.000		
8	Công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính ngành tư pháp	540.000.000	540.000.000		
9	Tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh đối với các dự thảo Luật, bộ Luật	180.000.000	180.000.000		
10	Tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra công tác tư pháp	432.000.000	432.000.000		
11	Công tác thanh tra	60.000.000	60.000.000		
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan	500.000.000	500.000.000		
13	Trang bị sách cho tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn	322.000.000	322.000.000		
14	Trang bị sách cho tủ sách pháp luật thôn của xã thực hiện chương trình NTM	623.000.000	623.000.000		
15	Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	450.000.000	450.000.000		
16	Mua các loại sổ, biểu mẫu	685.000.000	685.000.000		
17	Trợ cấp thôi việc	64.000.000	64.000.000		
18	Đề án đơn giản hoá TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	450.000.000	450.000.000		
19	Cập nhật dữ liệu thông tin hồ sơ lý lịch tư pháp	100.000.000	100.000.000		
20	Cập nhật CSLD về quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	450.000.000	450.000.000		
21	Mua sắm tài sản	500.000.000	500.000.000		

STT	Nội dung	Dự toán giao cho đơn vị	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
22	Kinh phí cho hoạt động thẩm định văn bản theo QĐ số 02/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh	230.000.000	230.000.000		
23	Kinh phí công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2014-2018	205.000.000	205.000.000		
24	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Phòng công chứng số 1 (chuyển chi nhánh TGPL số 1 về làm việc cùng với trụ sở Phòng công chứng số 1)	500.000.000	500.000.000		
25	Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	225.000.000	225.000.000		
26	Xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh	1.809.000.000	1.809.000.000		
27	Duy trì phần mềm hộ tịch	344.000.000	344.000.000		
28	Hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp	100.000.000	100.000.000		
29	Triển khai Kế hoạch theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trọng tâm năm 2019 (về pháp luật đầu tư, kinh doanh và thuế trên địa bàn tỉnh)	225.000.000	225.000.000		
II.2	TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NN	3.681.000.000	3.681.000.000	100%	100%
	Chi hoạt động thường xuyên	1.985.000.000	1.985.000.000		
	Chi hoạt động không thường xuyên	1.696.000.000	1.696.000.000		
1	Chi các hoạt động TGPL	500.000.000	500.000.000		
2	Thuê trụ sở 3 Chi nhánh	150.000.000	150.000.000		
3	Kinh phí thực hiện TGPL trong hoạt động tổ tụng	100.000.000	100.000.000		
4	Mua tủ sách pháp luật và sách pháp luật	176.000.000	176.000.000		
5	Tập huấn những điểm mới cơ bản của Luật TGPL, các văn bản liên quan cho Trợ giúp viên và cơ quan tiến hành tố tụng, báo cáo viên pháp luật, công đoàn viên	100.000.000	100.000.000		
6	Mua bổ sung trang thiết bị	150.000.000	150.000.000		
7	Duy trì XD chuyên mục trang điện tử về TGPL	150.000.000	150.000.000		
8	Tập huấn chuyên sâu về TGPL cho người khuyết tật và TGPL cho trẻ em; Hoạt động TGPL cho người khuyết tật	250.000.000	250.000.000		
9	Trang phục của Trợ giúp viên pháp lý	120.000.000	120.000.000		

Handwritten signature